

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Á, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Á, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị V có 02 con chung là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 19/8/2008 và Phạm Thị Tuyết P, sinh ngày 06/11/2012. Hiện 02 cháu đang sống cùng anh T. Ly hôn, anh T và chị V thống nhất giao cháu M và cháu P cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng; Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng x 02 cháu = 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2020 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều

kiện được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị V tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị V xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Quốc T tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0013603 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên nên hoàn lại cho anh T số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị V phải chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- UBND xã H, H. P;
- (Số 14/2009, quyển số 01)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

Huỳnh Thị Tân Sang